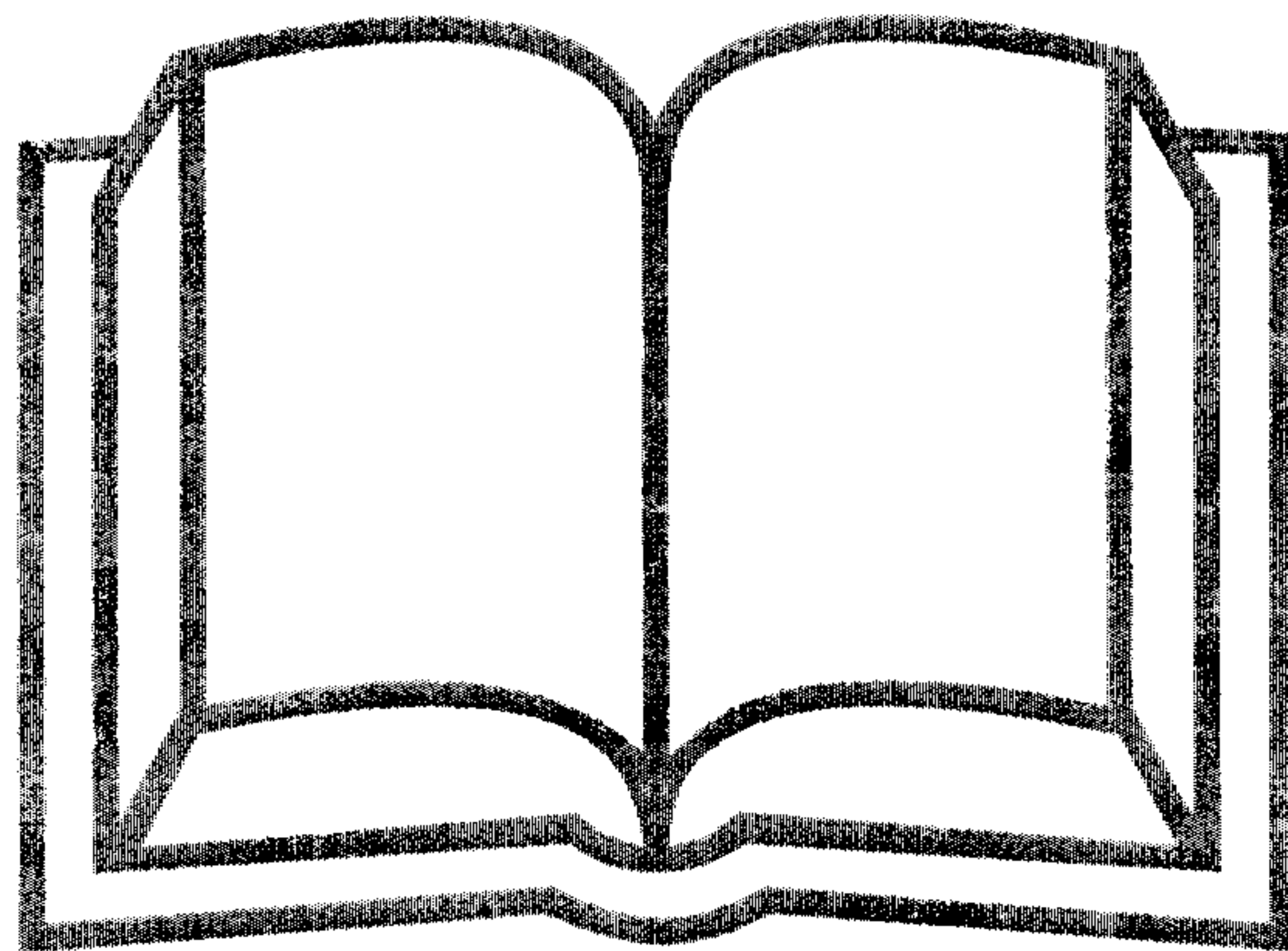




**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**QUÍ III**  
**NĂM 2011**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH (MÃ CK:HMH)**



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 4, Tòa nhà Cảng SG, 3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>89.957.253.962</b>	<b>73.352.000.379</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>VI.1</b>	<b>57.309.067.804</b>	<b>38.225.431.179</b>
1. Tiền	111		15.909.067.804	5.625.431.179
2. Các khoản tương đương tiền	112		41.400.000.000	32.600.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>29.685.787.650</b>	<b>32.475.863.859</b>
1. Phải thu khách hàng	131	<b>VI.2</b>	28.999.686.918	32.038.414.987
2. Trả trước cho người bán	132	<b>VI.3</b>	471.108.160	-
3. Các khoản phải thu khác	138	<b>VI.4</b>	261.492.572	483.948.872
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(46.500.000)	(46.500.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.962.398.508</b>	<b>2.650.705.341</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>VI.5</b>	1.456.503.232	1.458.845.048
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	15.981.059
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	152		15.001.043	10.875.380
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>VI.6</b>	1.490.894.233	1.165.003.854
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>97.533.436.078</b>	<b>100.301.843.813</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>38.570.546.866</b>	<b>43.459.477.958</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>VI.7</b>	37.450.546.866	42.339.477.958
<i>Nguyên giá</i>	222		69.391.451.848	69.743.191.598
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(31.940.904.982)	(27.403.713.640)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>VI.8</b>	1.120.000.000	1.120.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		1.137.000.000	1.137.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(17.000.000)	(17.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>VI.9</b>	<b>54.377.975.882</b>	<b>53.474.330.892</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		47.077.975.882	46.174.330.892
2. Đầu tư dài hạn khác	258		7.300.000.000	7.300.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.584.913.330</b>	<b>3.368.034.963</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>VI.10</b>	1.669.765.552	163.498.185
2. Tài sản dài hạn khác	268	<b>VI.11</b>	310.646.778	310.646.778
3. Lợi thế thương mại	269		2.604.501.000	2.893.890.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>187.490.690.040</b>	<b>173.653.844.192</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 4, Tòa nhà Cảng SG, 3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh

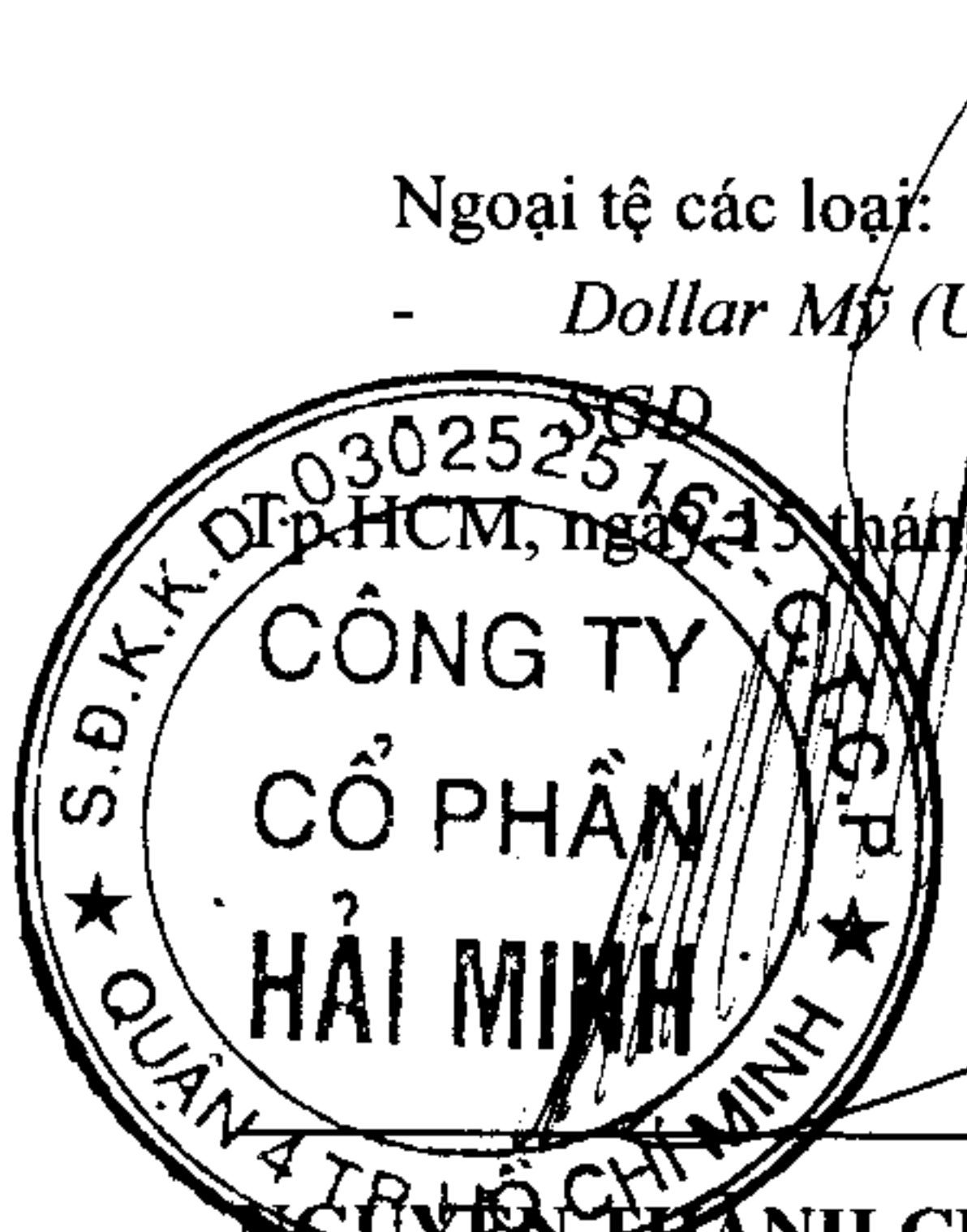
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>29.193.206.743</b>	<b>26.503.973.714</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>28.429.166.656</b>	<b>25.537.525.374</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.12	154.324.983	-
2. Phải trả người bán	312	VI.13	18.290.566.334	16.976.294.521
3. Người mua trả tiền trước	313	VI.14	42.888.445	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.15	4.559.806.512	3.216.912.212
5. Phải trả người lao động	315		2.574.369.730	469.842.328
6. Chi phí phải trả	316		67.818.490	32.972.272
7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	318	VI.16	1.324.691.667	3.734.182.896
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.414.700.495	1.107.321.145
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>764.040.087</b>	<b>966.448.340</b>
1. Phải trả, phải nộp dài hạn khác	333	VI.17	186.308.146	-
2. Vay và nợ dài hạn	334	VI.18	370.458.888	747.670.287
3. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		207.273.053	218.778.053
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>158.297.483.297</b>	<b>147.149.870.478</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>VI.19</b>	<b>155.027.343.175</b>	<b>143.869.141.816</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		56.163.800.000	56.163.800.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.339.670.000	19.339.670.000
3. Cổ phiếu quỹ	413		(4.571.898.630)	(1.901.520.795)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		-	7.492.877
5. Quỹ đầu tư phát triển	416		2.051.360.115	2.051.360.115
6. Quỹ dự phòng tài chính	417		3.168.311.136	2.011.911.136
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	419		78.876.100.554	66.196.428.483
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>439</b>		<b>3.270.140.122</b>	<b>3.280.728.662</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>187.490.690.040</b>	<b>173.653.844.192</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:			
- Dollar Mỹ (USD)		96.329,13	29.253,00
		402,18	1.750,00



NGUYỄN THANH CHƯƠNG  
Giám đốc

NGUYỄN THẾ HƯNG  
Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 4, Tòa nhà Cảng SG, 3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh

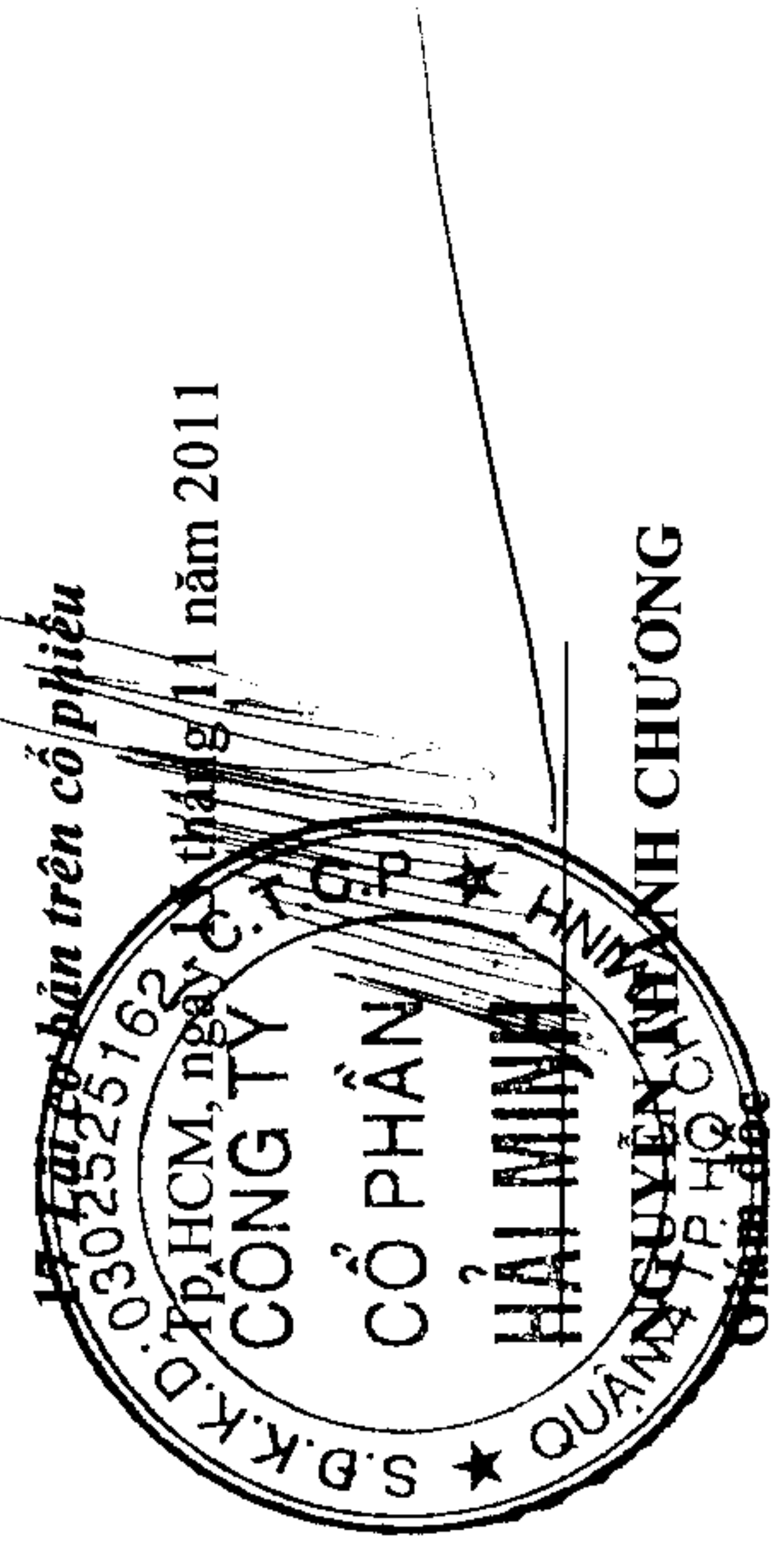
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2011

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2011  
( Có so sánh với số liệu 9 tháng đầu năm 2010)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2011		Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2010	
			Quý 3 năm 2011	Quý 3 năm 2010	Quý 3 năm 2010	9 tháng đầu năm 2010
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	31.178.965.385	26.362.658.006	89.034.255.237	77.618.962.313
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		31.178.965.385	26.362.658.006	89.034.255.237	77.618.962.313
4 Giá vốn hàng bán	11	VII.2	23.809.754.474	19.656.964.986	66.325.184.033	61.246.163.170
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.369.210.911	6.705.693.020	22.709.071.204	16.372.799.143
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	2.114.165.742	1.459.989.161	4.877.640.924	4.626.124.842
7 Chi phí tài chính	22	VII.4	55.289.161	19.559.639	208.344.386	479.698.188
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		11.267.492	-	39.163.213	29.828.241
8 Chi phí quản lý kinh doanh	24	VII.5	2.672.540.730	2.624.317.074	7.590.710.959	6.820.205.662
9 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.755.546.762	5.521.805.468	19.787.656.783	13.699.020.135
10 Thu nhập khác	31	VII.6	-	-	1.438.181.818	124.846.806
11 Chi phí khác	32	VII.7	3.200.000	1.748.701	256.868.603	47.241.235
12 Lợi nhuận khác	40		(3.200.000)	(1.748.701)	1.181.313.215	77.605.571
13 Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45		5.031.436.820	5.881.368.638	16.059.344.990	15.465.933.044
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.783.783.582	11.401.425.405	37.028.314.988	29.242.558.750
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		136.391.995	1.434.303.897	3.767.703.929	3.679.328.805
16 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.647.391.587	9.967.121.508	33.260.611.059	25.563.229.945
		VII.8	2.123,04	1.821,00	6.034,88	4.657,00



NGUYỄN THẾ HÙNG  
Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 4, Tòa nhà Cảng SG, 3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q. 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**


Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2011

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			9 tháng đầu năm 2011	6 tháng đầu năm 2010
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		37.028.314.988	17.841.133.346
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		7.020.781.641	4.167.539.484
- Các khoản dự phòng	03		-	(991.457.998)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(20.136.922.736)	(3.166.135.681)
- Chi phí lãi vay	06		39.163.213	-
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		23.951.337.106	17.851.079.151
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.765.430.226	(7.127.450.768)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	265.534.500
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(8.614.984.322)	7.082.401.836
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.503.925.551)	(672.759.932)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(39.163.213)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		2.511.680.984	(755.341.795)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(422.912.678)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<u>19.070.375.230</u>	<u>16.220.550.314</u>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.168.023.739)	(5.106.062.955)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.438.181.818	124.545.454
- Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(2.000.000.000)
- Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	4.415.810.000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		19.269.450.936	3.166.135.681
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		<u>18.539.609.015</u>	<u>600.428.180</u>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
- Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(2.670.377.835)	-
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		185.412.281	896.266.623
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(463.866.887)	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(15.570.022.302)	(11.232.760.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(18.518.854.743)</u>	<u>(10.336.493.377)</u>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50		<b>19.091.129.502</b>	<b>6.484.485.117</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60		<b>38.225.431.179</b>	<b>24.424.234.272</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(7.492.877)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	VII	<u><b>57.309.067.804</b></u>	<u><b>30.908.719.389</b></u>


  
 NGUYỄN THIỆN CHƯƠNG  
 Giám đốc

NGUYỄN THẾ HÙNG  
 Kế toán trưởng

## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2011

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản Xuất – Dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông – đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

### 4. Công ty con, Công ty liên kết

**Công ty con được hợp nhất:**

#### **Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát**

Địa chỉ: Tầng 2, khách sạn Việt Trung – số 103 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 1, quận An Hải, Thành phố Hải Phòng.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 96,08%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 96,08%

#### **Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng**

Địa chỉ : Km 103 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 1, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 100%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 100%

#### **Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam**

Địa chỉ : Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 55,29%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 55,29%

**Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:**

#### **Công ty TNHH "K" Line Việt Nam**

Địa chỉ : 23 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2011

---

### **Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh**

Địa chỉ : Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

#### **Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc năm tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi lập Báo cáo: Ngày 31/12/2010 là: 18.932 VND/USD

Ngày 30/09/2011 là: 20.628 VND/USD.

## **III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính về việc “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp”.

### **2. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức sổ nhật ký chung;

## **IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2011

---

### **V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

#### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### **3. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, chi phí công cụ dụng cụ chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 1 năm.

#### **4. Hàng tồn kho**

Nguyên tắc đánh giá: Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cho việc hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời vv..) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên.

#### **5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

#### **6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2011

---

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

### **7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là Website của Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

### **8. Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm công cụ dụng cụ và chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

### **9. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

### **10. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### **11. Cổ phiếu quỹ**

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

### **12. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2011

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### 13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ việc bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở phù hợp với doanh thu trong kỳ.

### 15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(a) Tiền mặt	1.427.343.156	693.917.631
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	<i>286.954.461</i>	<i>152.018.023</i>
Tiền VND	218.274.142	78.837.677
USD	62.018.944	24.124.548
SGD	6.661.375	49.055.798
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>	<i>766.413.536</i>	<i>334.605.183</i>
<i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</i>	<i>342.737.353</i>	<i>28.201.884</i>
<i>Công ty Tiếp vận Hoàng Nam</i>	<i>31.237.806</i>	<i>179.092.541</i>
(b) Tiền gửi ngân hàng	55.881.724.648	37.531.513.548
Tiền VND	12.560.520.893	4.422.088.333
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	<i>1.626.184.732</i>	<i>2.206.907.818</i>
<i>Công ty CP chứng khoán ANPHA-APSC</i>	<i>9.113.713</i>	<i>9.113.713</i>
<i>Công ty TNHH chứng khoán NHNN&amp;PTNT</i>	<i>108.630.782</i>	<i>1.151.549</i>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2011

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngân Hàng BIDV</i>	955.855.295	2.032.928.868
<i>Ngân Hàng TMCP Hàng Hải (MSB)</i>	545.959.610	158.489.369
<i>Ngân Hàng TNHH Indovina (IVB)</i>	6.625.332	5.224.319
<b><i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i></b>	<b>599.977.865</b>	<b>541.158.042</b>
<b><i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</i></b>	<b>10.099.815.358</b>	<b>928.722.658</b>
<b><i>Công ty Tiếp vận Hoàng Nam</i></b>	<b>234.542.938</b>	<b>745.299.815</b>
<b>Tiền USD quy đổi sang VND</b>	<b>1.921.203.755</b>	<b>509.425.215</b>
<b><i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i></b>	<b>1.918.127.186</b>	<b>506.348.646</b>
<i>Ngân Hàng BIDV</i>	88.796.169	351.137.105
<i>Ngân Hàng TMCP Hàng Hải (MSB)</i>	1.748.314.403	2.653.131
<i>Ngân Hàng TNHH Indovina (IVB)</i>	81.016.614	152.558.410
<b><i>Công ty Tiếp vận Hoàng Nam</i></b>	<b>3.076.569</b>	<b>3.076.569</b>
<b>(c) Các khoản tương đương tiền</b>	<b>41.400.000.000</b>	<b>32.600.000.000</b>
<b><i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i></b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>21.500.000.000</b>
<i>Ngân Hàng TMCP Hàng Hải (MSB)</i>	36.000.000.000	21.500.000.000
<b><i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i></b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.500.000.000</b>
<b><i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</i></b>	<b>5.600.000.000</b>	<b>5.600.000.000</b>
<b><i>Công ty Tiếp vận Hoàng Nam</i></b>	<b>400.000.000</b>	<b>400.000.000</b>
<b><i>Cộng tiền và các khoản tương đương tiền</i></b>	<b>57.309.067.804</b>	<b>38.225.431.179</b>
<b>2. Phải thu khách hàng</b>		
<b><i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i></b>	<b>9.717.414.051</b>	<b>13.925.141.811</b>
<b><i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i></b>	<b>7.975.828.549</b>	<b>4.650.560.709</b>
<b><i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</i></b>	<b>9.482.458.780</b>	<b>12.096.505.185</b>
<b><i>Công ty Tiếp vận Hoàng Nam</i></b>	<b>1.823.985.538</b>	<b>1.366.207.282</b>
<b>Cộng</b>	<b>28.999.686.918</b>	<b>32.038.414.987</b>
<b>3. Trả trước cho người bán</b>		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i></b>	<b>71.108.160</b>	-
<i>Công ty dịch vụ &amp; VTB Vũng Tàu</i>	56.108.160	-
<i>Công ty chứng khoán ngân hàng Đông Á</i>	15.000.000	-
<b><i>Công ty Tiếp vận Hoàng Nam</i></b>	<b>400.000.000</b>	-
<b>Cộng</b>	<b>471.108.160</b>	-
<b>4. Các khoản phải thu khác</b>		
<b><i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i></b>	<b>48.741.683</b>	<b>190.350.657</b>
<b><i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i></b>	<b>18.788.388</b>	<b>11.320.713</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2011

<i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</i>		<i>167.770.198</i>	<i>188.370.205</i>		
<i>Công ty Tiếp vận Hoàng Nam</i>		<i>26.192.303</i>	<i>93.907.297</i>		
<b>Cộng</b>		<b><u>261.492.572</u></b>	<b><u>483.948.872</u></b>		
<b>5. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>					
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>		<i>280.516.172</i>	<i>557.182.531</i>		
Bảo hiểm		36.090.543	168.853.000		
Thiết kế văn phòng		-	302.563.616		
Thiết bị GPS		-	18.341.667		
Vỏ xe ô tô		81.049.696	67.424.248		
Thuê bãi Rạch chiếc		8.763.088	-		
Phi sửa chữa		41.458.334	-		
Chi phí khác		113.154.511	-		
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>		<i>657.370.689</i>	<i>261.542.381</i>		
<i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</i>		<i>459.554.780</i>	<i>574.363.635</i>		
<i>Công ty Tiếp vận Hoàng Nam</i>		<i>59.061.591</i>	<i>65.756.501</i>		
<b>Cộng</b>		<b><u>1.456.503.232</u></b>	<b><u>1.458.845.048</u></b>		
<b>6. Tài sản ngắn hạn khác</b>					
		<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>		
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>		<i>339.239.755</i>	<i>282.765.052</i>		
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>		<i>627.666.821</i>	<i>491.776.371</i>		
<i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</i>		<i>361.355.452</i>	<i>296.951.457</i>		
<i>Công ty Tiếp vận Hoàng Nam</i>		<i>162.632.205</i>	<i>93.510.974</i>		
<b>Cộng</b>		<b><u>1.490.894.233</u></b>	<b><u>1.165.003.854</u></b>		
<b>7. Tăng, giảm TSCĐ hữu hình</b>					
<i>Chæ tiêu</i>	<i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải truyền dẫn</i>	<i>Dụng cụ quản lý</i>	<i>Tài sản cố định hữu hình</i>
<b>I Nguyên giá</b>					
1. Số đầu năm	17.610.397.821	7.630.869.752	43.901.140.392	600.783.633	69.743.191.598
2. Tăng trong kỳ	-	-	2.093.641.012	74.382.727	2.168.023.739
3. Giảm trong kỳ	-	-	2.519.763.489	-	2.519.763.489
<b>4. Số cuối kỳ</b>	<b>17.610.397.821</b>	<b>7.630.869.752</b>	<b>43.475.017.915</b>	<b>675.166.360</b>	<b>69.391.451.848</b>
<b>II Hao mòn lũy kế</b>					
1. Số đầu năm	5.911.672.835	4.378.464.359	16.666.907.276	446.669.170	27.403.713.640
2. Tăng trong kỳ	1.287.439.071	947.192.049	4.618.877.347	167.273.174	7.020.781.641
3. Giảm trong kỳ	-	-	2.483.590.299	-	2.483.590.299
<b>4. Số cuối kỳ</b>	<b>7.199.111.906</b>	<b>5.325.656.408</b>	<b>18.802.194.324</b>	<b>613.942.344</b>	<b>31.940.904.982</b>
<b>III Giá trị còn lại</b>					
1. Số đầu năm	11.698.724.986	3.252.405.393	27.234.233.116	154.114.463	42.339.477.958
<b>2. Số cuối kỳ</b>	<b><u>10.411.285.915</u></b>	<b><u>2.305.213.344</u></b>	<b><u>24.672.823.591</u></b>	<b><u>61.224.016</u></b>	<b><u>37.450.546.866</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2011

**8. Tăng, giảm TSCĐ vô hình**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Tài sản cố định vô hình-Phần mềm máy tính</i>		<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Cộng tài sản vô hình</i>
<b>I Nguyên giá</b>				
1 Số đầu năm	17.000.000		1.120.000.000	1.137.000.000
2 Tăng trong kỳ	-		-	-
3 Giảm trong kỳ	-		-	-
<b>4 Số cuối kỳ</b>	<b>17.000.000</b>		<b>1.120.000.000</b>	<b>1.137.000.000</b>
<b>II Hao mòn lũy kế</b>				
1 Số đầu năm	17.000.000		-	17.000.000
2 Tăng trong kỳ	-		-	-
3 Giảm trong kỳ	-		-	-
<b>4 Số cuối kỳ</b>	<b>17.000.000</b>			<b>17.000.000</b>
<b>III Giá trị còn lại</b>				
1 Số đầu năm	-		1.120.000.000	1.120.000.000
<b>2 Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>		<b>1.120.000.000</b>	<b>1.120.000.000</b>

**9. Đầu tư tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh.</b>	<b>47.077.975.882</b>	<b>46.174.330.892</b>
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	<i>47.077.975.882</i>	<i>46.174.330.892</i>
Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	44.035.475.346	43.746.095.102
Công ty TNHH tiếp vận DongBu Hải Minh	3.042.500.536	2.428.235.790
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>7.300.000.000</b>	<b>7.300.000.000</b>
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	<i>7.300.000.000</i>	<i>7.300.000.000</i>
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Sao Biển	1.800.000.000	1.800.000.000
Quỹ đầu tư chứng khoán Đông Á	500.000.000	500.000.000
<b>Cộng các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>54.377.975.882</b>	<b>53.474.330.892</b>

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	<i>307.847.131</i>	<i>133.178.619</i>
Máy bơm thủy lực	19.410.088	31.056.142
Máy vi tính (15 Máy )	70.781.440	102.122.477
Thuê văn phòng	142.382.876	-
Vỏ xe	75.272.727	-
Chi phí thi công mặt bãi Rạch Chiếc	1.287.251.876	-
<i>Công ty Tiếp vận Hoàng Nam</i>	<i>74.666.545</i>	<i>30.319.566</i>
<b>Cộng</b>	<b>1.669.765.552</b>	<b>163.498.185</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2011

**11. Tài sản dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	261.246.778	261.246.778
Đặt cọc tiền nhà 01 Đinh Lễ	256.246.778	256.246.778
Đặt cọc làm thẻ taxi	5.000.000	5.000.000
<i>Công ty Tiếp vận Hoàng Nam</i>	<u>49.400.000</u>	<u>49.400.000</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>310.646.778</u></b>	<b><u>310.646.778</u></b>

**12. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tăng Trong kỳ</u>	<u>Số giảm trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Ngân Hàng TMCP Kỹ thương VN - CN HP (EUR) Hợp đồng tín dụng số 122009 HĐTD/SME-DN/TCBHP-HM ngày 11/02/2010	-	185.412.281	31.087.298	154.324.983
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b><u>185.412.281</u></b>	<b><u>31.087.298</u></b>	<b><u>154.324.983</u></b>

**13. Phải trả người bán**

<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	13.116.884.806	11.910.298.808
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>	1.447.786.335	856.758.515
<i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</i>	2.798.440.278	3.925.304.098
<i>Công ty Tiếp vận Hoàng Nam</i>	<u>566.609.616</u>	<u>283.933.100</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>18.290.566.334</u></b>	<b><u>16.976.294.521</u></b>

**14. Người mua trả trước**

<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	<u>42.888.444</u>	-
<b>Cộng</b>	<b><u>42.888.444</u></b>	<b>-</b>

**Thuế và các khoản phải nộp khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	1.665.449.041	1.314.526.594
Thuế GTGT	24.745.540	85.142.096
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.568.159.030	1.083.611.311
Thuế thu nhập cá nhân	28.728.665	107.555.454
Các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước khác	43.815.806	38.217.733
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>	<u>1.861.771.977</u>	<u>1.237.735.893</u>
<i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</i>	<u>942.014.222</u>	<u>535.420.567</u>
<i>Công ty Tiếp vận Hoàng Nam</i>	<u>90.571.272</u>	<u>129.229.158</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>4.559.806.512</u></b>	<b><u>3.216.912.212</u></b>

**15. Các khoản phải trả ngắn hạn khác**

<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	328.845.225	95.987.914
Kinh phí công đoàn	131.905.174	95.805.214
Bảo hiểm xã hội	3.590.600	

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2011

Bảo hiểm y tế	1.596.600	182.700
Các khoản phải trả khác	191.752.851	-
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>	<i>699.334.332</i>	<i>2.287.303.830</i>
<i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</i>	<i>250.914.610</i>	<i>1.350.891.152</i>
<i>Công ty Tiếp vận Hoàng Nam</i>	<i>45.597.500</i>	<i>-</i>
<b>Cộng</b>	<b>1.324.691.667</b>	<b>3.734.182.896</b>

**16. Phải trả, phải nộp dài hạn khác**

<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	<i>186.308.146</i>	<i>-</i>
Nhận tiền ký cược từ PENDULUM Express Lines theo HD đại lý	186.308.146	-
<b>Cộng</b>	<b>186.308.146</b>	<b>-</b>

**17. Vay và nợ dài hạn**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá lỗ cuối kỳ	Số cuối kỳ
Ngân Hàng TMCP Kỹ thương VN - CN HP (EUR) Hợp đồng tín dụng số 122009 HĐTD/SME-DN/TCBHP-HM ngày 11/02/2010	747.670.287	-	432.779.589	55.568.190	370.458.888
<b>Cộng</b>	<b>747.670.287</b>	<b>-</b>	<b>432.779.589</b>	<b>55.568.190</b>	<b>370.458.888</b>

**Chi tiết khoản vay:**

Hợp đồng tín dụng số 122009 HĐTD/SME-DN/TCBHP-HM ngày 11/02/2010

Số tiền vay hạn mức : 63500 EUR

Mục đích vay : Thanh toán tiền cho nhà cung cấp đầu vào mua 02 xe ô tô đầu kéo sơ mi rơ mooc.

Thời hạn vay : 36 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên.

Lãi suất vay : 10%/năm

Lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng /lần vào các ngày đầu quý và bằng lãi suất tiết kiệm thường tiền EUR 12 tháng loại trả lãi sau của Techcombank - CN HP tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 5,7%/năm, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được quy định bởi bên Techcombank.

Hợp đồng vay ở trên là Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 4087 ngày 11/02/2010:

Số tiền vay : 38.000 EUR

Mục đích vay : Thanh toán tiền nhập khẩu xe nâng Kalmar theo LC số TF 0932101003/HPG mở ngày 17/11/2009.

Thời hạn vay : 36 tháng kể từ ngày 11/02/2010 đến 11/02/2013.

Lãi suất vay : 10%/năm.

Lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng /lần vào các ngày đầu quý và bằng lãi suất tiết kiệm thường tiền EUR 12 tháng loại trả lãi sau của Techcombank - CN HP tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 5,7%/năm, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được quy định bởi bên Techcombank.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

**18. Vốn chủ sở hữu**

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	56.163.800.000	19.339.670.000	-	1.765.160.115	1.361.911.136	51.838.129.947	16.456.246	130.485.127.444
Tăng vốn trong năm trước	-	-	(1.901.520.795)	-	-	-	-	(1.901.520.795)
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	34.691.869.980	-	34.691.869.980
Thuế TNDN năm 2009 được miễn giảm	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	7.492.877	7.492.877
Chia lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	286.200.000	650.000.000	-	-	936.200.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	(20.333.571.444)	(16.456.246)	(20.350.027.690)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>56.163.800.000</b>	<b>19.339.670.000</b>	<b>(1.901.520.795)</b>	<b>2.051.360.115</b>	<b>2.011.911.136</b>	<b>66.196.428.483</b>	<b>7.492.877</b>	<b>143.869.141.816</b>
Số dư đầu năm nay	56.163.800.000	19.339.670.000	(1.901.520.795)	2.051.360.115	2.011.911.136	66.196.428.483	7.492.877	143.869.141.816
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	32.955.913.166	-	32.955.913.166
Thuế TNDN được miễn giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	(2.670.377.835)	-	-	3.025.888	-	(2.667.351.947)
Chia lợi nhuận trong kỳ(*)	-	-	-	-	-	(15.570.022.302)	-	(15.570.022.302)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.156.400.000	(3.987.007.679)	-	(2.830.607.679)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(722.237.001)	(7.492.877)	(729.729.878)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>56.163.800.000</b>	<b>19.339.670.000</b>	<b>(4.571.898.630)</b>	<b>2.051.360.115</b>	<b>3.168.311.136</b>	<b>78.876.100.554</b>	<b>-</b>	<b>155.027.343.175</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

**Cổ phiếu**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.616.380	5.616.380
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.438.790	5.438.790
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	177.590	177.590
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	215.100	84.900
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	215.100	84.900
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.486.180	5.531.480
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.308.590	5.353.890
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	177.590	177.590

(\*) *Mệnh giá cổ phiếu 10.000 VND.*

**Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Quỹ khen thưởng phúc lợi: Dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu: Dùng cho công tác khen thưởng của ban quản lý, điều hành Công ty.

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Quý 3 năm 2011</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm 2011</b>	<b>Quý 3 năm 2010</b>	<b>Lũy kế từ đầu năm 2010</b>
<b>Công ty Cổ phần Hải Minh</b>	<b>10.100.874.527</b>	<b>26.973.775.897</b>	<b>8.153.317.845</b>	<b>26.101.768.140</b>
Dịch vụ vận tải	4.527.319.362	11.371.991.140	3.076.338.287	15.091.451.247
Dịch vụ khai thác cảng	2.581.506.475	7.418.679.917	2.160.248.514	7.194.834.028
Dịch vụ đại lý	2.962.707.080	8.073.536.357	2.852.143.553	3.399.863.522
Dịch vụ khác	29.341.610	109.568.483	64.587.491	415.619.343
<b>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</b>	<b>9.603.580.194</b>	<b>24.950.657.701</b>	<b>6.263.851.261</b>	<b>17.776.368.931</b>
<b>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</b>	<b>9.091.182.392</b>	<b>30.726.819.826</b>	<b>9.446.896.900</b>	<b>27.560.864.184</b>
<b>Công ty Tiếp vận Hoàng Nam</b>	<b>2.383.328.272</b>	<b>6.383.001.813</b>	<b>2.498.592.000</b>	<b>6.179.961.058</b>
<b>Cộng</b>	<b>31.178.965.385</b>	<b>89.034.255.237</b>	<b>26.362.658.006</b>	<b>77.618.962.313</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2011

**2. Giá vốn hàng bán**

	Quý 3 năm 2011	Lũy kế từ đầu năm 2011	Quý 3 năm 2010	Lũy kế từ đầu năm 2010
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	<b>7.087.362.852</b>	<b>17.057.982.690</b>	<b>8.153.317.845</b>	<b>26.101.768.140</b>
Dịch vụ vận tải	4.483.988.126	10.149.911.890	3.076.338.287	15.091.451.247
Dịch vụ khai thác cảng	1.731.393.622	4.353.046.525	2.160.248.514	7.194.834.028
Dịch vụ đại lý	871.981.104	2.555.024.275	2.852.143.553	3.399.863.522
Dịch vụ khác			64.587.491	415.619.343
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>	<b>6.637.996.857</b>	<b>18.934.130.147</b>	<b>6.263.851.261</b>	<b>17.776.368.931</b>
<i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</i>	<b>7.750.480.002</b>	<b>23.924.980.492</b>	<b>9.446.896.900</b>	<b>27.560.864.184</b>
<i>Công ty Tiếp vận Hoàng Nam</i>	<b>2.333.914.763</b>	<b>6.408.090.704</b>	<b>2.498.592.000</b>	<b>6.179.961.058</b>
<b>Cộng</b>	<b>23.809.754.474</b>	<b>66.325.184.033</b>	<b>26.362.658.006</b>	<b>77.618.962.313</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	<b>1.492.152.813</b>	<b>3.250.468.847</b>	<b>908.816.929</b>	<b>3.586.879.158</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.438.467.556	2.708.960.973	573.204.236	1.178.800.083
Chênh lệch tỷ giá thực hiện	53.671.757	541.494.374	335.612.693	699.359.075
Đầu tư chứng khoán			-	1.641.220.000
Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác	13.500	13.500	-	67.500.000
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>	<b>285.992.420</b>	<b>596.372.761</b>	<b>370.612.703</b>	<b>600.854.506</b>
<i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</i>	<b>315.611.467</b>	<b>978.614.116</b>	<b>151.310.134</b>	<b>344.581.224</b>
<i>Công ty Tiếp vận Hoàng Nam</i>	<b>20.409.042</b>	<b>52.185.200</b>	<b>29.249.395</b>	<b>93.809.954</b>
<b>Cộng</b>	<b>2.114.165.742</b>	<b>4.877.640.924</b>	<b>1.459.989.161</b>	<b>4.626.124.842</b>

**4. Chi phí tài chính**

<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	<b>43.997.451</b>	<b>112.540.064</b>	<b>1.040.403</b>	<b>118.263.281</b>
Đầu tư chứng khoán				93.791.760
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	43.997.451	112.540.064	1.040.403	24.471.521
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>	<b>-</b>	<b>1.048.701</b>	<b>2.026.849</b>	<b>15.823.069</b>
<i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</i>	<b>11.267.492</b>	<b>94.731.403</b>	<b>16.013.440</b>	<b>345.081.891</b>
<i>Công ty Tiếp vận Hoàng Nam</i>	<b>24.218</b>	<b>24.218</b>	<b>478.947</b>	<b>529.947</b>
<b>Cộng</b>	<b>55.289.161</b>	<b>208.344.386</b>	<b>19.559.639</b>	<b>479.698.188</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2011

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Quý 3 năm 2011	Lũy kế từ đầu năm 2011	Quý 3 năm 2010	Lũy kế từ đầu năm 2010
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	<b>1.284.242.288</b>	<b>3.704.154.503</b>	<b>1.367.649.584</b>	<b>3.202.491.223</b>
Chi phí nhân viên quản lý	537.036.905	1.431.111.926	434.293.761	919.271.115
Chi phí vật liệu quản lý	21.750.000	65.397.750	20.433.000	64.314.450
Chi phí đồ dùng văn phòng	26.868.467	79.761.232	28.479.864	136.310.260
Chi phí khấu hao TSCĐ	44.178.213	132.182.648	34.120.666	58.321.144
Thuế, phí, lệ phí	14.955.735	36.408.104	2.115.210	22.365.555
Chi phí dự phòng	-	-	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	541.886.225	1.635.201.501	578.179.899	1.129.868.995
Chi phí bằng tiền khác	97.566.743	324.091.342	270.027.184	872.039.704
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>	<b>629.566.854</b>	<b>1.673.793.896</b>	<b>584.484.394</b>	<b>1.560.940.267</b>
<i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</i>	<b>383.609.291</b>	<b>1.229.085.505</b>	<b>337.408.214</b>	<b>1.151.767.667</b>
<i>Công ty Tiếp vận Hoàng Nam</i>	<b>375.122.297</b>	<b>983.677.055</b>	<b>334.774.882</b>	<b>905.006.505</b>
<b>Cộng</b>	<b>2.672.540.730</b>	<b>7.590.710.959</b>	<b>2.624.317.074</b>	<b>6.820.205.662</b>

**6. Thu nhập khác**

<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	-	<b>1.220.000.000</b>	-	<b>124.846.806</b>
Thanh lý TSCĐ	-	1.220.000.000	-	124.545.454
Các khoản thu nhập khác	-	-	-	301.352
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>	-	<b>218.181.818</b>	-	-
<b>Cộng</b>	-	<b>1.438.181.818</b>	-	<b>124.846.806</b>

**7. Chi phí khác**

<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	<b>1.500.000</b>	<b>206.834.603</b>	-	<b>45.205.881</b>
Thanh lý TSCĐ	-	205.334.603	-	-
Phạt chậm nộp	1.500.000	1.500.000	-	44.904.529
Các khoản chi phí khác	-	-	-	301.352
<i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i>	<b>1.700.000</b>	<b>50.034.000</b>	-	<b>286.653</b>
<i>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</i>	-	-	-	-
<i>Công ty Tiếp vận Hoàng Nam</i>	-	-	1.748.701	1.748.701
<b>Cộng</b>	<b>3.200.000</b>	<b>256.868.603</b>	<b>1.748.701</b>	<b>47.241.235</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2011

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu năm	5.616.380
Số lượng cổ phiếu bán ra trong kỳ	-
Số lượng cổ phiếu mua vào trong kỳ	130.200
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	5.511.392
Lợi nhuận kế toán phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	33.260.611.059
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>6.034,88</b>

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin so sánh**

Số liệu đầu năm 2011 của Công ty được thể hiện theo số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội. Chúng tôi có điều chỉnh một số chỉ tiêu chi tiết như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số dư cuối năm trước	Số dư đầu năm nay	Chênh lệch
<b><u>Tài sản</u></b>				
Lợi thế thương mại	269	4.454.573.282	2.893.890.000	(1.560.683.282)
<b>Cộng</b>		<b>4.454.573.282</b>	<b>2.893.890.000</b>	<b>(1.560.683.282)</b>
<b><u>Nguồn vốn</u></b>				
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	419	67.756.119.915	66.196.428.483	(1.559.691.432)
Lợi ít của cổ đông thiểu số	439	3.279.926.608	3.280.728.662	802.054
Thuế và các khoản phải trả cho nhà nước	314	3.218.706.116	3.216.912.212	(1.793.904)
<b>Cộng</b>		<b>74.254.752.639</b>	<b>72.694.069.357</b>	<b>(1.560.683.282)</b>

**2. Một số chỉ tiêu tài chính**

Chỉ tiêu	ĐVT	9 tháng đầu năm 2011	9 tháng đầu năm 2010
<b><i>Bố trí cơ cấu tài sản</i></b>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	41,20	39,28
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	58,80	60,72
<b><i>Bố trí cơ cấu nguồn vốn</i></b>			
Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	14,17	12,79
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	85,83	87,21
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	7,06	7,82
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	2,97	3,11
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2,97	3,11
<b>Tỷ suất sinh lời</b>			
<b><i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i></b>			

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2011

Chỉ tiêu	ĐVT	9 tháng đầu năm 2011	9 tháng đầu năm 2010
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	41,59	37,67
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	37,36	32,93
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	30,06	26,30
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	27,00	22,99
<b>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu</b>	%	21,01	17,37

Tp. HCM, ngày 17 tháng 11 năm 2011



NGUYỄN THÀNH CHƯƠNG

Giám đốc

NGUYỄN THẾ HÙNG

Kế toán trưởng